

Số: **24** /2019/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **08** tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi  
trên địa bàn tỉnh Hà Nam đến năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định 177/2013/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;*

*Căn cứ Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Thực hiện Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 28/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Nam đến năm 2020;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Phạm vi điều chỉnh: Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

## **Điều 2. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi**

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Nam đến năm 2020 thực hiện theo Nghị quyết số 28/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Nam đến năm 2020.

2. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích nêu trên là căn cứ để lập dự toán, giao dự toán, đặt hàng tưới, tiêu với các đơn vị làm nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh. Thủ tục đặt hàng, lập, cấp phát, thanh quyết toán cho tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi thực hiện theo các quy định hiện hành.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định này để lập dự toán, giao dự toán, hợp đồng tưới, tiêu và thanh quyết toán tiền hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi: Thực hiện đúng quy định về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quyết định này và văn bản pháp luật có liên quan.

3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2019 và thay thế Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

## **Điều 4. Điều khoản thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Giám đốc các Công ty khai thác công trình thủy lợi; Giám đốc các Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### **Nơi nhận:**

- Bộ NN & PTNT, Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- VPUB: LĐVP, NN, KT, TH;
- Website Hà Nam;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Minh Hiến**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28 /2019/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 12 tháng 7 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi  
trên địa bàn tỉnh Hà Nam đến năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

VPUBND TỈNH HÀ NAM	
ĐẾN	Số: .....
	Ngày: 25/7/2019
Chuyên: .....	

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;  
Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;  
Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Quyết định số 1050a/2018/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020;

Xét Tờ trình số 1962/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành nghị quyết quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Nam đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Nam đến năm 2020 với các nội dung sau:

1. Diện tích tưới, tiêu do các Công ty khai thác công trình thủy lợi (KTCTTL) phục vụ.

a) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với diện tích đất trồng lúa

Đối với diện tích được tưới, tiêu chủ động: Tưới, tiêu chủ động bằng động lực mức giá là 1.646.000 đồng/ha/vụ; tưới, tiêu chủ động bằng trọng lực mức giá là 1.152.000 đồng/ha/vụ.

Diện tích được tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá được tính bằng 60% mức giá của diện tích tưới, tiêu chủ động.

Diện tích chỉ tạo nguồn tưới, tiêu: Diện tích tạo nguồn bằng động lực mức giá bằng 50% mức giá của diện tích tưới, tiêu chủ động bằng động lực; diện tích tạo nguồn bằng trọng lực mức giá bằng 40% mức giá của diện tích tưới, tiêu chủ động bằng trọng lực.

Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch, được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tưới, tiêu chủ động.

Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới là 70%, mức giá cho tiêu là 30% mức giá quy định ở trên.

b) Đối với diện tích trồng rau, màu, mạ, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ Đông thì mức giá tính bằng 40% mức giá của diện tích trồng lúa tương ứng với từng biện pháp công trình.

c) Diện tích nuôi trồng thủy sản:

Đối với diện tích ao, đầm, hồ chuyên nuôi trồng thủy sản được công trình thủy lợi cấp và tiêu nước, thay nước theo kỹ thuật nuôi trồng thủy sản quy định (thời gian từ 09 tháng trở lên trong một năm) mức giá là 250 đồng/m<sup>2</sup> mặt nước/năm (lấy diện tích được giao sử dụng đất làm căn cứ).

Diện tích chuyên nuôi trồng thủy sản nhưng công trình thủy lợi chỉ cấp nước lần đầu mà không thay nước theo yêu cầu kỹ thuật, mức giá là 125 đồng/m<sup>2</sup> mặt nước/năm (lấy diện tích được giao sử dụng đất làm căn cứ).

Đối với diện tích chuyển đổi từ sản xuất 02 lúa sang sản xuất đa canh theo mô hình Lúa - Cá quy định như sau:

Diện tích trồng lúa thì mức giá theo mức của cây lúa.

Diện tích đã cấy lúa sau khi thu hoạch lúa, thời gian còn lại trong năm nuôi trồng thủy sản, thì mức giá lấy theo nuôi trồng thủy sản với mức 125 đồng/m<sup>2</sup> mặt nước.

d) Trường hợp cấp nước cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu mức giá bằng 80% giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa/vụ và bằng 1.316.800 đồng/ha/năm đối với diện tích tưới chủ động; mức giá của diện tích tưới chủ động một phần và tạo nguồn tính tương tự như cây lúa.

đ) Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị) mức giá tính bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ và bằng 82.300 đồng/ha/năm.

e) Các mức giá nêu trên là mức giá tính từ điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi của tổ chức thủy lợi cơ sở đến công trình đầu mối của công trình thủy lợi và là mức giá không có thuế giá trị gia tăng.

2. Các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (HTXDVNN), tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trong vùng hệ thống thủy lợi do các Công ty KTCTTL quản lý (gọi tắt là HTX trong vùng) phải bơm chuyển tiếp phần sau của các Công ty KTCTTL để thực hiện đến mức chủ động được tính mức giá như sau:

a) Tưới, tiêu tiếp từ tạo nguồn mức giá bằng 50% mức giá tưới, tiêu chủ động của từng loại cây trồng tương ứng.

b) Tưới, tiêu tiếp từ chủ động một phần thì mức giá bằng 40% mức giá tưới tiêu chủ động của từng loại cây trồng tương ứng.

3. Các HTXDVNN, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi ngoài vùng hệ thống thủy lợi của các Công ty KTCTTL (gọi tắt là các HTX ngoài vùng) tự quản lý công trình đầu mối lấy nước từ sông tự nhiên (sông Hồng, sông Đáy), mức giá của những diện tích tưới tiêu được tính như mức giá trong vùng của các Công ty KTCTTL.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khóa XVIII, kỳ họp thứ chín thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019./.

**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: NN&PTNT; Tài chính;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- BTV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; NN&PTNT; Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Sỹ Lợi**